

Bản án số: 116/2023/HSST

Ngày: 10/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Phương

2. Bà Nguyễn Bích Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến tại điểm cầu trung tâm là Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng và điểm cầu thành phần là phòng hỏi cung Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng vụ án hình sự thụ lý số: 91/2023/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lý Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/5/1992 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm Hồng Quang 2, xã H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12 phổ thông; Con ông: Lý Văn T - sinh năm 1968; Con bà: Lý Thị T - sinh năm 1970 (cùng trú tại: xóm Hồng Quang 2, xã H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng); Anh, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị D - sinh năm 1991 (Trú tại: xóm Hồng Quang 2, xã H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: tổ 10, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng); Con: Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 10/01/2014 Công an thành phố Cao Bằng xử phạt 2.000.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 23/3/2023 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Trọng N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26/12/1996 tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm Cao Minh, xã H, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12 phổ thông; Con ông: Phan Văn Q (đã chết); Con bà: Đặng Thị T - sinh năm 1976 (trú tại: xóm Cao Minh, xã H, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng); Anh, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ; Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 23/3/2023 đến nay; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị D - sinh năm 1991; Hộ khẩu: xóm Hồng Quang 2, xã H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: tổ 10, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/3/2023, Lý Văn T điều khiển xe mô tô 11F3 - 1993 từ nhà đi đến nhà Phan Trọng N tại xã H, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng với mục đích rủ N góp tiền cùng nhau đi mua ma túy để sử dụng. N đồng ý và mỗi người góp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) rồi T điều khiển xe mô tô chở N đi tìm mua Heroine. Khi đi đến đoạn dốc trên trục đường Võ Nguyên Giáp, T và N thấy 01 (một) người đàn ông trông giống người nghiện nên T dừng xe bên cạnh người đó và N xuống xe hỏi và mua với người đàn ông đó 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Heroine. Người đàn ông đó đồng ý, nhận tiền rồi đưa lại cho N 03 (ba) gói Heroine bao gồm 02 (hai) gói được gói bằng giấy bạc màu vàng và 01 (một) gói được gói bằng giấy bạc màu trắng. N cất 03 (ba) gói Heroine vừa mua được vào túi trước bên phải chiếc quần đang mặc rồi T chở N quay về nhà N để tìm nơi sử dụng ma túy. Khi đi đến khu vực xóm Nam Phong 3, xã H, vào hồi 13 giờ 15 phút cùng ngày, T và N bị lực lượng Công an xã Hưng Đạo phát hiện và bắt quả tang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ: 02 (hai) gói giấy bạc màu vàng và 01 (một) gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng có tổng khối lượng 0,23g (*không thấy hai ba gam*), thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của N. Tạm giữ của N 01 (một) chiếc điện thoại di động Vsmart màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen có chữ masstel, màn hình bị nứt, đã qua sử dụng. Tạm giữ của T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu dream II, biển kiểm soát 11F3 - 1993 đã qua sử dụng.

Ngày 24/3/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 99 giám định chất bột màu trắng thu giữ của T và N. Tại bản kết luận giám định số 169 ngày 30/3/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: "*mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Heroine.*"

Tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKSTP ngày 16/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lý Văn T và Phan

Trọng N về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T và N đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai tại cơ quan điều tra. Các bị cáo nhất trí với khối lượng ma túy bị thu giữ và nội dung bản Kết luận Giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng.

Về tài sản tạm giữ: Bị cáo N khai nhận bị thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại di động Vsmart màu đen và 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen có chữ masstel, màn hình bị nứt, đều đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bị cáo không sử dụng làm phương tiện liên lạc trao đổi mua bán ma túy.

Bị cáo T bị thu giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu dream II, biển kiểm soát 11F3 - 1993 đã qua sử dụng. Bị cáo khai nhận đây là chiếc xe của vợ bị cáo bỏ tiền ra mua, việc bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện mua ma túy thì vợ bị cáo không biết nên yêu cầu được trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có yêu cầu được nhận lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu dream II, biển kiểm soát 11F3 - 1993 vì đây là chiếc xe do bà bỏ tiền ra mua, là phương tiện đi lại của gia đình, việc chồng bà (bị cáo T) sử dụng chiếc xe đi mua ma túy thì bà không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị tuyên bố các bị cáo Lý Văn T và Phan Trọng N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 16 đến 19 tháng tù; bị cáo N từ 15 -18 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi số 169/KL-KTHS hoàn lại mẫu sau giám định vụ Lý Văn T và Phan Trọng N hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 23/3/2023”;

Trả lại cho bị cáo N: 01 (một) chiếc điện thoại di động Vsmart màu đen (loại màn hình cảm ứng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen có chữ Masstel.

Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu dream II, biển kiểm soát 11F3 - 1993 đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị D.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo T có ý kiến: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình. Bị cáo N không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Hồi 13 giờ 15 phút ngày 23/3/2023 tổ công tác Công an xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng làm nhiệm vụ tại khu vực xóm Nam Phong 3, xã H, thành phố Cao Bằng phát hiện và bắt quả tang Lý Văn T và Phan Trọng N có hành vi tàng trữ trái phép 03 (ba) gói Heroine có khối lượng 0,23g (*không thấy hai ba gam*) với mục đích sử dụng cho bản thân.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trọng lượng số ma túy bị thu giữ là 0,23g (*không thấy hai ba gam*) Heroine. Hành vi của các bị cáo Lý Văn T và Phan Trọng N đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo N không có tiền án, tiền sự nhưng là người nghiện ma túy. Bị cáo T không có tiền án, tiền sự nhưng nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Ngày 10/01/2014 Công an thành phố Cao Bằng xử phạt 2.000.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo T là người nảy sinh ý định phạm tội nên đã rủ bị cáo N cùng góp tiền chung và bị cáo chủ động sử dụng chiếc xe mô tô của mình đang điều khiển để làm phương tiện chở N cùng nhau đi mua ma túy về sử dụng. Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể mà tự phát cùng nhau thực hiện. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nhiều tệ nạn xã hội. Các bị cáo có thời gian dài sử dụng ma túy nhưng chưa có ý thức cai nghiện nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng ý định thực hiện hành vi phạm tội và chủ động sử dụng phương tiện chở N cùng đi mua ma túy. Ngoài ra, bị cáo T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Vật chứng, tài sản tạm giữ bao gồm:

01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi số 169/KL-KTHS hoàn lại mẫu sau giám định vụ Lý Văn T và Phan Trọng N hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 23/3/2023”; Xét thấy đây là đồ vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ đối với bị cáo N gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động Vsmart màu đen (loại màn hình cảm ứng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen có chữ Masstel. Xét thấy, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D có yêu cầu được trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu dream II, biển kiểm soát 11F3 -1993, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Quá trình điều tra xác định, đây là chiếc xe do bà Nguyễn Thị D (là vợ của bị cáo Lý Văn T) bỏ tiền ra mua, là phương tiện đi lại của gia đình sử dụng, việc bị cáo sử dụng chiếc xe đi mua ma túy bà Diệp không biết nên việc trả lại chiếc xe cho bà Diệp là có căn cứ.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tại phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác: T và N khai nhận được mua với một người đàn ông không quen biết, việc mua bán không ai biết và chứng kiến nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng không đủ căn cứ để mở rộng điều tra vụ án là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo T và N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn T và Phan Trọng N phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Lý Văn T 16 (mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 23/3/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Trọng N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 23/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi số 169/KL-KTHS hoàn lại mẫu sau giám định vụ Lý Văn T và Phan Trọng N hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 23/3/2023". (Đã có Kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 30/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng);

Trả lại cho bị cáo Phan Trọng N 01 (một) chiếc điện thoại di động Vsmart màu đen (loại màn hình cảm ứng) màn hình đã bị nứt, số IMEI (theo quyết định chuyển vật chứng): 356742901028121, 356742101028139, điện thoại đã qua sử dụng (do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI); 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen (loại bàn phím) có chữ Masstel, màn hình bị nứt vỡ, số IMEI: 352377067733077, 352377067733085, điện thoại đã qua sử dụng;

Trả lại cho người có quyền lợi, N vụ liên quan Nguyễn Thị D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream II, biển kiểm soát 11F3 - 1993, màu mận chín, số khung: 005688, số máy: 2001005688 (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an thành phố Cao Bằng). Số khung thực tế kiểm tra: 055688, số máy thực tế kiểm tra: EC12E-1093109. Qua kiểm tra thực tế số máy của xe không khớp với số máy ghi trên phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an thành phố Cao Bằng.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang nằm tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 113 ngày 19/6/2023.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc các bị cáo Lý Văn T và Phan Trọng N mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hanh